TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 20 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Chị Hà Thị Thanh L**, sinh năm 1991;
- *Bị đơn*: **Anh Hà Văn M**, sinh năm 1991;

Đều ở địa chỉ: khu L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C
  Địa chỉ trụ sở: Số 169 L, phường H, quận H, Thành Phố Hà Nội;
  Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng Giám Đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Tiến S – Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng c, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
  Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Việt T – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng Giao dịch Ngân hàng c huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thanh L và anh Hà Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị L và anh M có 02 (hai) con chung là cháu Hà Quang H1, sinh ngày 15/5/2014 và cháu Hà Thanh H2, sinh ngày 27/9/2016. Khi ly hôn, chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:* Chị L và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ riêng*: Chị L vay Ngân hàng c, huyện T theo hợp đồng tín dụng số 6600000719833658 ngày 16/3/2021 với số tiền gốc là 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 16/3/2025. Khi chị L và anh M ly hôn, chị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

- *Về án phí:* Chị L tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0004509 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả lại cho chị L 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai